



# CÔNG BÁO

*Tỉnh Quảng Trị*

Số 45

Ngày 30 tháng 9 năm 2025

## MỤC LỤC

	Trang
<b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT</b>	
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>	
23-9-2025	Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND về việc Phân cấp thẩm quyền công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng; chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 03
24-9-2025	Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị. 05
25-9-2025	Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. 10
26-9-2025	Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị. 16
<b>VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC</b>	
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH</b>	
22-9-2025	Quyết định số 1552/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh Quảng Trị. 22

- 24-9-2025 Quyết định số 1593/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Bắc thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị. 29
- 24-9-2025 Quyết định số 1594/QĐ-UBND ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Nam thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị. 34
- 24-9-2025 Quyết định số 1595/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục địa điểm và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026. 40

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 23 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phân cấp thẩm quyền công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng; chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2089TTr-SXD ngày 12/9/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng; chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng; chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Sở Xây dựng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Phân cấp cho Sở Xây dựng công bố**

1. Giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

2. Đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

3. Chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng; chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo phân cấp của UBND tỉnh và theo đúng quy định của Luật Xây dựng, các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hàng năm cho Sở Xây dựng để thực hiện các nội dung nêu tại Điều 3 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài Chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phan Phong Phú**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 24 tháng 9 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Thực hiện Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thành lập Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tại Tờ trình số 113/TTr-PTQĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị.

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 10 năm 2025.

Các Quy định và Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quy định tại khoản 1, khoản 2 và mục a, khoản 3 Điều 2 Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình Quyết định thành lập Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Bình trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 21/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Phong**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND  
ngày 24 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

### Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Là tổ chức phát triển quỹ đất được thành lập để tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất tại địa phương,

2. Trung tâm có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Trung tâm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

### Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Thực hiện tạo lập, phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và quy định tại Điều 14, 41, 42, 43 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Lập và thực hiện dự án tạo quỹ đất theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Lập, tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; lập dự án tạo quỹ đất để giao đất thực hiện chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng bảng giá đất; xác định giá đất cụ thể theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổ chức thực hiện việc đầu tư xây dựng tạo lập và phát triển quỹ đất tái định cư để phục vụ Nhà nước thu hồi đất và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

5. Tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Lập danh mục và tổ chức cho thuê ngắn hạn các khu đất, thửa đất được giao quản lý nhưng chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 43 Nghị định 102/2024/NĐ-CP.

7. Thực hiện các dịch vụ trong việc trích đo, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các dịch vụ khác trong lĩnh vực quản lý đất đai.

8. Liên doanh, liên kết, hợp tác với các tổ chức kinh tế, cá nhân để thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của pháp luật khác có liên quan.

9. Ký hợp đồng thuê các tổ chức, cá nhân làm tư vấn hoặc thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

10. Quản lý viên chức, người lao động, tài chính và tài sản thuộc Trung tâm phát triển quỹ đất theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định về các lĩnh vực công tác được giao.

11. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư dự án tạo quỹ đất theo quy định của pháp luật về xây dựng; thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng và các dịch vụ tư vấn khác khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định.

12. Thực hiện dự án xây dựng hạ tầng tạo quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tại các khu đô thị và nông thôn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 41 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

13. Thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

14. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc**

#### **1. Cơ cấu tổ chức**

Lãnh đạo Trung tâm có Giám đốc và các Phó Giám đốc, số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm và theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong phạm vi được Giám đốc Trung tâm phân công hoặc ủy quyền; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ trong các lĩnh vực được phân công phụ trách; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về các lĩnh vực được phân công phụ trách.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước và phân cấp quản lý của UBND tỉnh.

2. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương; đơn vị thuộc Trung tâm:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

b) Phòng Giải phóng mặt bằng;

c) Phòng Phát triển quỹ đất;

d) Phòng Giá đất và dịch vụ;

đ) Phòng Quản lý, khai thác tài sản công;

e) Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực phía Nam (gọi tắt là Chi nhánh).

Chi nhánh có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản để hoạt động theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập và có nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, bộ máy, cơ chế tự chủ, nguồn thu tài chính, các khoản chi, quy chế phối hợp hoạt động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 14 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

#### **Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh có trách nhiệm:

1. Ban hành Quy chế làm việc của Trung tâm; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc đơn vị. Xây dựng dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực phía Nam trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Bố trí, sử dụng viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, phẩm chất, trình độ năng lực và các nội dung khác có liên quan nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hoặc chưa phù hợp, Giám đốc Trung tâm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 25 tháng 9 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 905/TTr-SKHCN ngày 04 tháng 9 năm 2025;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành Quy định về quản lý một số hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

2. Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Tân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh  
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

- Quy định này quy định một số nội dung trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
- Những nội dung không quy định tại văn bản này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Chương II**

#### **QUY ĐỊNH PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

##### **Điều 3. Phân cấp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

UBND tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nội dung sau:

- Tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh của cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.
- Tổ chức rà soát, tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ quy định tại khoản 1 điều này thành danh mục; tra cứu thông tin các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện trên địa bàn tỉnh có liên quan đến đề xuất đặt hàng theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

3. Thông báo công khai danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

4. Thông báo tuyển chọn, tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn; mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tham gia tuyển chọn theo quy định tại Điều 10 và khoản 3, khoản 4 Điều 12 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

5. Cử đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ làm Tổ trưởng Tổ thẩm định kinh phí theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

6. Thông báo kết quả tuyển chọn, tiếp nhận hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ hoàn thiện và báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến kết luận của Hội đồng tuyển chọn theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 14 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

7. Tiếp nhận hồ sơ nhiệm vụ hoàn thiện và báo cáo tiếp thu, giải trình kết luận của Tổ thẩm định kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

8. Phê duyệt kết quả tuyển chọn (tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ) theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

9. Lưu giữ, quản lý hồ sơ và công khai thông tin kết quả tuyển chọn theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

10. Hủy kết quả tuyển chọn hoặc hủy quyết định phê duyệt tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ và thông báo tới tổ chức chủ trì theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 18 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

11. Phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

12. Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước; quyết định thành lập đoàn kiểm tra, quy định số lượng thành viên và thành phần tham gia đoàn kiểm tra; xác nhận khối lượng công việc, kinh phí thực hiện của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều 20 và khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

13. Quyết định việc thay đổi các nội dung bao gồm: Tên nhiệm vụ, mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ; việc mua sắm thiết bị, máy móc, nguyên liệu, vật liệu; kinh phí thực hiện nhiệm vụ; thời gian thực hiện nhiệm vụ; tổ chức chủ trì nhiệm vụ; Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

14. Tiếp nhận báo cáo của tổ chức chủ trì và xem xét, quyết định việc giảm dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN.

15. Chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN.

16. Tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ, xác nhận tình trạng hồ sơ; Thông báo bằng văn bản đến tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 24 Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN.

17. Tiếp nhận Báo cáo thẩm định sản phẩm của Tổ chuyên gia gửi đến theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 25 Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN.

18. Xem xét xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 29 và Điều 30 Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN.

### **Chương III**

## **MỘT SỐ QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

### **Điều 4. Giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được giao trực tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 và Điều 31 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

2. Nguyên tắc, điều kiện tham gia xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; Hồ sơ đăng ký tham gia giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn giao trực tiếp và Tổ thẩm định nhiệm vụ; Việc phê duyệt kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; Việc lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc, công khai thông tin, hủy kết quả giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh chứa bí mật nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 20/2023/TT-BKHHCN.

**Điều 5. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ (gọi là nghiệm thu cơ sở) trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Hồ sơ phục vụ đánh giá nghiệm thu cơ sở bao gồm: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; các sản phẩm theo yêu cầu của hợp đồng; các tài liệu liên quan khác.

3. Thành phần, số lượng thành viên hội đồng đánh giá, trình tự, thủ tục đánh giá nghiệm thu cơ sở do Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ quyết định.

4. Kết quả đánh giá nghiệm thu cơ sở được lập thành biên bản theo Mẫu VI.11-BB.HĐNT tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN.

### **Điều 6. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, quyết toán và thanh lý hợp đồng**

1. Việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Việc quyết toán và thanh lý hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

## **CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2025/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 9 năm 2025

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật  
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 278/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 9 năm 2025.*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Trị.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2025. Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Trị.

2. Quyết định số 3595/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Bình.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trần Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật  
thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND  
ngày 26 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là tổ chức hành chính thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, giúp Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực được giao.

2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (sau đây viết tắt là Chi cục) có tư cách pháp nhân, có con dấu, có trụ sở và tài khoản riêng để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

#### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của UBND tỉnh liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Chi cục và các văn bản khác theo phân công của Giám đốc Sở;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi quản lý của Chi cục;

c) Dự thảo quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Dự thảo kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa; kế hoạch sản xuất trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp; kế hoạch phòng, chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa.

2. Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công;

b) Quyết định công bố dịch hại thực vật; quyết định công nhận, thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận, giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

### 3. Tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin, truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

b) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện cơ cấu cây trồng, cơ cấu giống, canh tác, kỹ thuật trồng trọt, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm cây trồng; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn tỉnh; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thi hành các biện pháp quản lý nhà nước về bảo hộ quyền đối với giống cây trồng tại địa phương;

c) Giúp UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, bảo vệ và cải tạo độ phì của đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa và sạt lở đất thuộc nhiệm vụ của Sở và quy định của pháp luật; sản xuất trồng trọt giảm phát thải, sản xuất tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu; trồng trọt hữu cơ; hoạt động bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thực hiện cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định;

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống cây trồng; thực hiện quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh sau khi được UBND tỉnh phê duyệt;

g) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) trong nông nghiệp.

4. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo của lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi

trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số người làm việc, vị trí việc làm trong đơn vị; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách và chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

7. Dự thảo Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các Trạm thuộc Chi cục trình Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản, nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Sở Nông nghiệp và Môi trường và cấp có thẩm quyền.

10. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy**

1. Lãnh đạo Chi cục có Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng. Số lượng Phó Chi cục trưởng thực hiện theo quy định hiện hành.

a) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục.

b) Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Chi cục trưởng phân công; chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, một Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy quyền thay Chi cục trưởng điều hành các hoạt động của Chi cục.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, cách chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách đối với Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ và Trạm trực thuộc Chi cục gồm:

a) Phòng Hành chính - Tổng hợp;

- b) Phòng Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;
- c) Phòng Trồng trọt;
- d) Trạm Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật Hải Lăng - Quảng Trị;
- đ) Trạm Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật Triệu Phong- Đông Hà;
- e) Trạm Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật Gio Linh - Cam Lộ;
- g) Trạm Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật Vĩnh Linh - Cồn Cỏ;
- k) Trạm Trồng Trọt và Bảo vệ thực vật Hướng Hoá - Đakrông.

Các Trạm có con dấu để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có trách nhiệm: quy định thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng, trạm thuộc Chi cục theo quy định của pháp luật; có phương án bố trí, sử dụng biên chế, công chức, viên chức và người lao động theo Đề án vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp và phẩm chất, trình độ, năng lực nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao./.

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1552/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 22 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh Quảng Trị****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;*

*Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 2055/TTr-VP ngày 10/9/2025 và ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ tại Công văn số 1507/SNV-TCBC&TCPCP ngày 05/9/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH****Trần Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của  
Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh Quảng Trị**

*(Kèm theo Quyết định số 1552/QĐ-UBND*

*ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

### **Điều 1. Vị trí, chức năng**

1. Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền.

2. Trung tâm có chức năng tham mưu, giúp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Đầu mối Cổng Thông tin điện tử, kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý công báo; tham mưu xây dựng các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Trung tâm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành và triển khai hệ thống Cổng Thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh và các Cổng/Trang TTĐT thành phần trên địa bàn tỉnh; kết nối với hệ thống Cổng TTĐT Chính phủ:

a) Xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành và triển khai hệ thống Cổng TTĐT tỉnh và các Cổng/Trang TTĐT thành phần trên địa bàn tỉnh (bao gồm các Cổng/Trang TTĐT của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị khác có nhu cầu);

b) Cập nhật, cung cấp thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và các quy định pháp luật khác có liên quan, đảm bảo chính xác, kịp thời, đầy đủ và đáp ứng nhu cầu tìm

kiểm, tra cứu thông tin của người dân, doanh nghiệp;

c) Tổ chức, quản lý, thu thập, biên tập, xử lý và đăng tải thông tin, tin tức, văn bản chỉ đạo điều hành lên Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các chuyên trang theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp bảo mật, an toàn an ninh thông tin, phòng chống các nguy cơ tấn công, xâm nhập hệ thống;

đ) Nghiên cứu, tham mưu Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp kỹ thuật, công nghệ để nâng cấp hệ thống Cổng TTĐT tỉnh, Cổng/trang TTĐT thành phần cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; xây dựng và thực hiện các giải pháp nâng cấp tính năng, chức năng nhằm nâng cao chất lượng Cổng TTĐT tỉnh, Cổng/trang TTĐT thành phần đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về cung cấp, phổ biến thông tin theo quy định;

e) Trực tiếp cử biên tập viên của Trung tâm tham gia đưa tin các sự kiện, hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các sự kiện, hoạt động của các sở, ngành, địa phương khi được đề nghị;

g) Tiếp nhận các ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân trên Cổng TTĐT tỉnh báo cáo Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh, chuyển đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và đề nghị giải quyết, trả lời và thông tin công khai kết quả theo quy định của pháp luật;

h) Đăng tải lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng TTĐT tỉnh và tổng hợp ý kiến gửi cơ quan chủ trì soạn thảo theo quy định;

i) Tổ chức thực hiện đối thoại trực tuyến và các hình thức giao tiếp khác giữa chính quyền, cơ quan quản lý Nhà nước với Nhân dân trên Cổng TTĐT tỉnh nhằm định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;

k) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc cung cấp thông tin trên Cổng TTĐT tỉnh và các Cổng/Trang TTĐT thành phần để bảo đảm khả năng thuận tiện và bảo đảm chất lượng của việc cung cấp thông tin;

l) Kết nối với hệ thống Cổng TTĐT Chính phủ; tích hợp kết nối thông tin các dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh;

m) Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan khai thác, tiếp nhận, xử lý, cập nhật đầy đủ, kịp thời các loại thông tin (không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước) để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật;

n) Thực hiện nhiệm vụ điểm báo, tổng hợp thông tin phản ánh từ các báo chuyên Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan kiểm tra, xử lý vấn đề báo nêu;

o) Thực hiện nhiệm vụ thường trực Ban Biên tập Công TTĐT tỉnh theo Quy chế hoạt động của Ban Biên tập Công TTĐT tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

## 2. Quản lý, xuất bản Công báo điện tử tỉnh:

a) Tiếp nhận văn bản, đăng tải trên Công báo điện tử; vào sổ, quản lý, lưu trữ đầy đủ các văn bản gửi đăng tải trên Công báo điện tử để đối chiếu với văn bản đăng trên Công báo điện tử khi cần thiết.

b) Trong quá trình tiếp nhận văn bản, nếu phát hiện văn bản có sai sót, phải báo cáo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thông báo ngay cho cơ quan ban hành văn bản biết để kịp thời xử lý.

c) Thực hiện biên tập Công báo đảm bảo chất lượng, hình thức, thể thức kỹ thuật trình bày; quản lý cơ sở dữ liệu các số Công báo và thông tin thuộc tính văn bản đăng Công báo điện tử theo quy định.

d) Hàng năm, tham mưu cho Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về Công báo trên Hệ thống thông tin báo cáo của Văn phòng Chính phủ theo quy định;

e) Tham mưu, đề xuất và trình cấp có thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động Công báo.

## 3. Thiết lập, theo dõi hoạt động, đảm bảo an toàn, an ninh mạng tin học của Ủy ban nhân dân tỉnh đặt tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quản lý, vận hành đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn các thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, dịch vụ cơ bản đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và mạng máy tính cục bộ (LAN) nhằm đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin để triển khai các ứng dụng phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đảm bảo duy trì an toàn, bảo mật, thông suốt các kết nối giữa Trung tâm tích hợp dữ liệu, mạng LAN Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng tin học diện rộng của tỉnh, của Chính phủ và hệ thống mạng của các cơ quan Nhà nước;

b) Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp nâng cấp hạ tầng phần cứng, phần mềm, bảo mật, an toàn an ninh thông tin, các dịch vụ cơ bản tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kết nối với các hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng tin học theo kế hoạch chung của Chính phủ và của tỉnh;

c) Quản trị, vận hành và triển khai hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Quản trị, vận hành và triển khai hệ thống Theo dõi thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh (đã tích hợp hệ thống Theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ) trên địa bàn tỉnh;

đ) Quản trị, vận hành hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm tại trụ sở Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Tiếp công dân);

e) Quản trị, vận hành hệ thống Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; hệ thống CSDL về thông tin quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực tỉnh; phần mềm Biên tập Công báo và Công báo điện tử tỉnh; phần mềm Quản lý tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong các cơ quan đơn vị tỉnh Quảng Trị;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, xây dựng và thực hiện các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo kết nối liên thông và tích hợp các hệ thống phần mềm, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, của Chính phủ được giao quản lý, vận hành hoạt động ổn định, an toàn và bảo mật phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tham mưu, đề xuất, xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Theo dõi, quản trị hệ thống mạng Wifi, hệ thống camera an ninh, vận hành hệ thống bảng LED, hệ thống IOC tại trụ sở cơ quan Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo hoạt động ổn định.

6. Thực hiện công tác quản lý, theo dõi thời hạn hiệu lực, thực hiện các thủ tục đăng ký, gia hạn, thay đổi thông tin hoặc thu hồi chứng thư số; hướng dẫn sử dụng và hỗ trợ kỹ thuật về chứng thư số cho Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo và chuyên viên các phòng, ban, trung tâm thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

7. Liên kết, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để chủ trì, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về vận hành, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng có liên quan trên địa bàn tỉnh, được phép thực hiện một số dịch vụ khác thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

8. Chủ trì tổ chức hoặc tham gia tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm về công nghệ thông tin trong phạm vi thẩm quyền của đơn vị.

9. Tham gia tư vấn, thiết kế, thẩm định các đề án, dự án liên quan đến lĩnh vực chuyên môn khi có yêu cầu; tham gia thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ của các dự án quan trọng khác do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

10. Tổ chức nghiên cứu, thực hiện triển khai và ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học khi được giao.

11. Hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

12. Hỗ trợ xử lý sự cố thiết bị tin học, mạng LAN của cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

13. Xây dựng kế hoạch, lập dự toán ngân sách hàng năm phục vụ công tác quản trị, vận hành, phát triển, bảo trì, nâng cấp các trang thiết bị phần cứng, phần mềm của Trung tâm tích hợp dữ liệu, mạng LAN Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung được giao quản lý, vận hành; hoạt động nâng cấp hệ thống Cổng TTĐT tỉnh và Cổng/Trang TTĐT thành phần; vận hành Công báo điện tử và các nội dung liên quan khác.

14. Quản lý, sử dụng tài sản được giao; kinh phí được cấp và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật; đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức, người lao động và cộng tác viên theo quy định của pháp luật.

16. Điều động hoặc biệt phái nhân sự đảm nhận một số nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại cơ sở ở phường Đông Hà;

17. Thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ hoặc đột xuất về tổ chức và hoạt động của Trung tâm với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

18. Tiếp nhận, xử lý, ban hành và quản lý văn bản của Trung tâm theo quy định.

19. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc**

1. Lãnh đạo Trung tâm:

a) Trung tâm có Giám đốc và các Phó Giám đốc; số lượng Phó Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giám đốc Trung tâm là người đứng đầu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về mọi hoạt động của Trung tâm.

c) Phó Giám đốc Trung tâm do Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, giúp Giám đốc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc phân

công, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm.

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc, các Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và theo phân cấp quản lý cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các phòng thuộc Trung tâm: 03 (ba) phòng gồm:

- a) Phòng Kỹ thuật - Ứng dụng;
- b) Phòng Thông tin - Công báo;
- c) Phòng Tổng hợp - Quản trị.

Các phòng thuộc Trung tâm có Trưởng phòng và các Phó Trưởng phòng; số lượng Phó Trưởng phòng, số lượng người làm việc tối thiểu (viên chức) của mỗi phòng phải đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và theo phân cấp quản lý cán bộ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Số lượng người làm việc:

Số lượng người làm việc của Trung tâm được giao hàng năm trên cơ sở Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ và nằm trong tổng số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng lao động đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Trung tâm có trách nhiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung tại Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc hoặc chưa phù hợp, báo cáo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1593/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 24 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Bắc  
thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Đề án thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1906/TTr-SXD ngày 09/9/2025 và ý kiến thẩm định Sở Nội vụ tại Công văn số 996/SNV-TCBC&TCPCP ngày 14/8/2025, Công văn số 1036/SNV-TCBC&TCPCP ngày 15/8/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Bắc thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Xây dựng; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Bắc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH****Trần Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **QUY ĐỊNH**

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ  
và Quản lý bến xe khách phía Bắc thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị**  
(Kèm theo Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

#### **Điều 1. Vị trí, chức năng**

1. Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Bắc (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Xây dựng, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện về các mặt công tác của Sở Xây dựng.

2. Trung tâm có chức năng tham mưu, giúp Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, dịch vụ hỗ trợ vận tải tại các bến xe trực thuộc đóng trên địa bàn tỉnh.

3. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Trung tâm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn**

##### **1. Nhiệm vụ**

- Thực hiện thời gian biểu chạy xe theo quy định của cơ quan quản lý tuyến và các quy định khác về hoạt động vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong bến xe; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh trong phạm vi bến xe; thu giá dịch vụ xe ra, vào bến theo quy định; tổ chức các dịch vụ hỗ trợ phương tiện và hành khách đảm bảo thuận tiện, an toàn;

- Duy trì cơ sở vật chất của bến xe theo đúng quy chuẩn, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và phương tiện; thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về bến xe khách theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành; xây dựng và thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Quy trình đảm bảo an toàn giao thông theo quy định;

- Kiểm tra và xác nhận các thông tin trên lệnh vận chuyển trước khi cho xe xuất bến, các thông tin do bến xe chịu trách nhiệm. Báo cáo Sở Xây dựng các quy định của đơn vị về quyền hạn, trách nhiệm, danh sách, chức vụ và chữ ký của những người được

giao nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận vào Lệnh vận chuyên; định kỳ tổng hợp những trường hợp không cho xe vận chuyên khách và tình hình an toàn giao thông tại bến xe, báo cáo Sở Xây dựng bằng văn bản để xử lý theo quy định;

- Mở hòm thư góp ý, thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận và giải quyết kịp thời những khiếu nại của hành khách về chất lượng phục vụ.

## **2. Quyền hạn**

- Dịch vụ phục vụ xe ra, vào bến; cho thuê quầy bán vé hoặc nhận ủy thác bán vé; kinh doanh các dịch vụ phục vụ phương tiện và hành khách tại Bến xe theo quy định của pháp luật;

- Dịch vụ cho thuê tài sản công; dịch vụ cho thuê nơi đỗ xe ô tô và các dịch vụ khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải khách tại các bến xe;

- Không cho xe xuất bến vận chuyên khách nếu biển kiểm soát xe hoặc lái xe không đúng theo Lệnh vận chuyên; phương tiện không đáp ứng đầy đủ các quy định của Nhà nước; khi phát hiện lái xe sử dụng rượu bia, chất ma túy, không mặc đồng phục hoặc không đeo thẻ tên theo quy định; xe hoặc lái xe không đủ giấy tờ theo quy định; không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo nội dung chất lượng dịch vụ vận tải đã đăng ký;

- Báo cáo cơ quan quản lý tuyến các đơn vị kinh doanh vận tải có các hành vi vi phạm các quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng ô tô;

- Thực hiện các quyền hạn khác được quy định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải khách được ký kết giữa Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Bắc với các đơn vị kinh doanh vận tải khách bằng ô tô tuyến cố định tại các bến xe trực thuộc.

## **Điều 3. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc**

### **1. Cơ cấu tổ chức**

a) Lãnh đạo Trung tâm có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Xây dựng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm;

Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về lĩnh vực công tác, nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Trung tâm vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành mọi hoạt động của Trung tâm;

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

b) Các phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương thuộc Trung tâm:

- Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- Phòng Điều độ - Tổng hợp;

- Các bến xe trực thuộc gồm có: Bến xe Đồng Hới; Bến xe Nam Lý; Bến xe Hoàn Lão; Bến xe Ba Đồn; Bến xe Đồng Lê; Bến xe Quy Đạt; Bến xe Lệ Thủy.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc Trung tâm có Trưởng phòng, các Phó trưởng phòng và tương đương. Số lượng Phó trưởng phòng và tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Trung tâm thực hiện theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý.

## **2. Số lượng người làm việc**

Giám đốc Trung tâm quyết định số lượng người làm việc của Trung tâm, bảo đảm không được thấp hơn định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành; bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc của đơn vị, không làm tăng kinh phí chi đầu tư đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Trung tâm; quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương thuộc đơn vị; thực hiện việc bố trí, sử dụng viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, phẩm chất, trình độ năng lực và các nội dung khác có liên quan nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hoặc chưa phù hợp, Giám đốc Trung tâm tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1594/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 24 tháng 9 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Nam  
thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe hàng, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Đề án thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thành lập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1906/TTr-SXD ngày 09/9/2025 và ý kiến thẩm định Sở Nội vụ tại Công văn số 996/SNV-TCBC&TCPCP ngày 14/8/2025, Công văn số 1036/SNV-TCBC&TCPCP ngày 15/8/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Nam thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Xây dựng; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH****Trần Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức  
của Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Nam  
thuộc Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị**  
*(Kèm theo Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

### **Điều 1. Vị trí, chức năng**

1. Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Nam (sau đây gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Xây dựng, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện về các mặt công tác của Sở Xây dựng.

2. Trung tâm có chức năng tham mưu, giúp Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định, xe buýt và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ tại các bến xe trên địa bàn tỉnh.

3. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng để hoạt động theo quy định của pháp luật. Trung tâm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

#### **1. Nhiệm vụ**

- Thực hiện thời gian biểu chạy xe theo quy định của cơ quan quản lý tuyến và các quy định khác về hoạt động vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong bến xe; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh trong phạm vi bến xe; thu giá dịch vụ xe ra, vào bến theo quy định; tổ chức các dịch vụ hỗ trợ phương tiện và hành khách đảm bảo thuận tiện, an toàn;

- Duy trì cơ sở vật chất của bến xe theo đúng quy chuẩn, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ hành khách và phương tiện; thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về bến xe khách theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành; xây dựng và thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Quy trình đảm bảo an toàn giao thông theo quy định;

- Kiểm tra và xác nhận các thông tin trên lệnh vận chuyển trước khi cho xe xuất

bến, các thông tin do bến xe chịu trách nhiệm. Báo cáo Sở Xây dựng các quy định của đơn vị về quyền hạn, trách nhiệm, danh sách, chức vụ và chữ ký của những người được giao nhiệm vụ kiểm tra, xác nhận vào Lệnh vận chuyển; định kỳ tổng hợp những trường hợp không cho xe vận chuyển khách và tình hình an toàn giao thông tại bến xe, báo cáo Sở Xây dựng bằng văn bản để xử lý theo quy định;

- Mở hòm thư góp ý, thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận và giải quyết kịp thời những khiếu nại của hành khách về chất lượng phục vụ.

- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ vận tải khách theo tuyến cố định như: thực hiện bán vé theo hợp đồng ủy thác của các doanh nghiệp vận tải cho hành khách đi xe; dịch vụ nghỉ trọ cho hành khách, lái xe, nhân viên phục vụ trên xe; dịch vụ trông giữ xe tại bến, dịch vụ sạc điện cho phương tiện giao thông sử dụng năng lượng điện và các dịch vụ khác theo quy định hiện hành;

- Ký kết hợp đồng với các đơn vị vận tải theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh vận tải tại bến xe khách;

- Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, số lượng người làm việc, quản lý tài chính, tài sản và thực hiện các chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động của Trung tâm theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của UBND tỉnh, Sở Xây dựng.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về thực hiện nhiệm vụ được giao với Sở Xây dựng và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và của Giám đốc Sở Xây dựng giao.

## **2. Quyền hạn**

- Dịch vụ phục vụ xe ra, vào bến; cho thuê quầy bán vé hoặc nhận ủy thác bán vé; kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt; kinh doanh các dịch vụ phục vụ phương tiện và hành khách tại Bến xe theo quy định của pháp luật;

- Dịch vụ cho thuê tài sản công; dịch vụ hỗ trợ phục vụ lái, phụ xe, hành khách, nghỉ trọ, dịch vụ cho thuê nơi đỗ xe ô tô, sạc điện cho phương tiện giao thông sử dụng năng lượng điện và các dịch vụ khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải khách tại các bến xe;

- Không cho xe xuất bến vận chuyển khách nếu biển kiểm soát xe hoặc lái xe không đúng theo Lệnh vận chuyển; phương tiện không đáp ứng đầy đủ các quy định của Nhà nước; khi phát hiện lái xe sử dụng rượu bia, chất ma túy, không mặc đồng phục hoặc không đeo thẻ tên theo quy định; xe hoặc lái xe không đủ giấy tờ theo quy định; không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo nội dung chất lượng dịch vụ vận tải đã đăng ký;

- Báo cáo cơ quan quản lý tuyến các đơn vị kinh doanh vận tải có các hành vi vi phạm các quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định

bằng ô tô;

- Thực hiện các quyền hạn khác được quy định tại Hợp đồng cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải khách được ký kết giữa Trung tâm Dịch vụ và Quản lý bến xe khách phía Nam với các đơn vị kinh doanh vận tải khách bằng ô tô tuyến cố định, xe buýt tại các bến xe trực thuộc.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức và số lượng người làm việc**

#### **1. Cơ cấu tổ chức**

a) Lãnh đạo Trung tâm có Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Giám đốc là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Xây dựng và trước Pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm;

Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực công tác, nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền điều hành các hoạt động của Trung tâm;

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh theo quy định.

b) Các phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương thuộc Trung tâm:

- Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Kế hoạch - Quản lý vận tải;

- Phòng Kế toán - Tài vụ;

- Các bến xe trực thuộc gồm có: Bến xe Đông Hà; Bến xe Lao Bảo; Bến xe Khe Sanh; Bến xe Quảng Trị; Bến xe Hồ Xá; Bến xe Hải Lăng;

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương thuộc đơn vị có Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng và tương đương. Số lượng Phó Trưởng phòng và tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Trung tâm thực hiện theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý.

#### **2. Số lượng người làm việc**

Giám đốc Trung tâm quyết định số lượng người làm việc của Trung tâm, bảo đảm không được thấp hơn định mức số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập do bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành; bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định đối với số lượng người làm việc của Trung tâm.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Trung tâm; quy định chức

---

năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương thuộc đơn vị; thực hiện việc bố trí, sử dụng viên chức, người lao động theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, phẩm chất, trình độ năng lực và các nội dung khác có liên quan nhằm thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hoặc chưa phù hợp, Giám đốc Trung tâm tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở Xây dựng xem xét trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 1595/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Trị, ngày 24 tháng 9 năm 2025*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục địa điểm và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và Sở Công Thương tại Tờ trình số 38/TTr-SCT ngày 24 tháng 9 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Danh mục địa điểm và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026 theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương căn cứ danh mục địa điểm và lĩnh vực ưu tiên được tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại được công bố, chủ trì tiếp nhận hồ sơ và xác nhận đăng ký tổ chức Hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn theo đúng quy định của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại.

Trường hợp thương nhân nộp hồ sơ đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại ở địa điểm không thuộc danh mục địa điểm này thì giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường xem xét sự cần thiết và điều kiện địa điểm tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại để giải quyết hồ sơ đăng ký của thương nhân.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và thương nhân đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Tiến**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC ĐỊA ĐIỂM VÀ LĨNH VỰC ƯU TIÊN**  
**ĐƯỢC TỔ CHỨC HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM THƯƠNG MẠI TRÊN ĐỊA BÀN**  
**TỈNH QUẢNG TRỊ NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 1595/QĐ-UBND  
 ngày 24 tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên địa bàn	Địa điểm tổ chức	Địa chỉ	Lĩnh vực ưu tiên
1	Phường Đồng Hới	Khuôn viên Trung tâm văn hóa	Đường Quang Trung, phường Đồng Hới	Tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, điện gia dụng, hàng tiêu dùng; Sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm đặc trưng địa phương,...
2	Xã Tuyên Bình	Sân vận động xã	Thôn Minh Cầm Trang và Thôn Nam Sơn, xã Tuyên Bình,	Tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, điện gia dụng, hàng tiêu dùng; Sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm đặc trưng địa phương.
3	Xã Minh Hóa	Sân vận động xã	Tổ Dân phố 01, xã Minh Hóa	Hàng tiêu dùng gia đình.
4	Xã Đồng Lê	Sân vận động xã	Tiểu khu Tam Đồng, xã Đồng Lê	Tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, điện gia dụng, hàng tiêu dùng; Sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm đặc trưng địa phương.

TT	Tên địa bàn	Địa điểm tổ chức	Địa chỉ	Lĩnh vực ưu tiên
5	Xã Cam Lộ	Trung tâm Văn hóa - TDTT ngoài trời Bàu Ra	Khu phố 1, xã Cam Lộ	Sản phẩm nông - lâm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; sản phẩm OCOP, đặc trưng.
6		Sân vận động Cam Thành	Thôn Tân Xuân 1, xã Cam Lộ,	
7	Xã Khe Sanh	Sân vận động xã	Xã Khe Sanh	Sản phẩm công nghiệp, thương mại, tiêu dùng; nông, lâm nghiệp và khoa học công nghệ.
8	Xã Tân Lập	Sân vận động xã	Thôn Tân Tài, xã Tân Lập	Sản phẩm chế biến; nông sản đặc trưng; Thương mại tổng hợp, hàng tiêu dùng.
9	Xã Cửa Tùng	Sân vận động xã	Khu phố An Đức 3, xã Cửa Tùng	Sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Thương mại tổng hợp, hàng tiêu dùng
10	Xã Ba Lòng	Sân Văn hóa thể thao xã	Thôn Hạ Lương, xã Ba Lòng	Sản phẩm hàng Việt Nam chất lượng cao và sản phẩm nông sản đặc trưng của xã Ba Lòng và các xã khác.
11	Xã Gio Linh	Sân sinh hoạt văn hóa ngoài trời	Khu phố 5, xã Gio Linh	Sản phẩm nông, lâm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; các mặt hàng xuất khẩu, gồm sứ, sản phẩm OCOP; sản phẩm đặc trưng trên địa bàn xã, tỉnh và các đơn vị ngoài địa bàn xã, tỉnh; Vật tư, máy móc phục vụ sản xuất, xây dựng, trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ...
12		Sân vận động xã	Khu phố 6, xã Gio Linh	
13	Xã Cửa Việt	Sân Lễ hội khu dịch vụ du lịch Cửa Việt	Khu phố 7, xã Cửa Việt	Thương mại tổng hợp, ẩm thực vùng miền, sản phẩm OCOP, đặc trưng.
14	Xã Lao Bảo	Khu Công viên văn hóa Trung tâm xã Lao Bảo	Xã Lao Bảo	Thương mại tổng hợp, ẩm thực vùng miền, các sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP.

TT	Tên địa bàn	Địa điểm tổ chức	Địa chỉ	Lĩnh vực ưu tiên
15	Xã Hiếu Giang	Sân vận động Cam Thủy	Thôn Lâm Lang 3, xã Hiếu Giang	Thương mại tổng hợp, hàng tiêu dùng; các sản phẩm OCOP trên địa bàn.
16	Xã Tân Thành	Sân vận động xã	Thôn Yên Bình, xã Tân Thành	Thương mại tổng hợp, hàng tiêu dùng; các sản phẩm nông sản, sản phẩm địa phương.
17	Xã Nam Cửa Việt	Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Linh An	Linh An, xã Nam Cửa Việt	Thủy hải sản, nông sản; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.
18		Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Lương Kim	Lương Kim, xã Nam Cửa Việt	
19		Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn Phú Hội	Phú Hội, xã Nam Cửa Việt	
20	Xã Bến Quan	Trung tâm Sân văn hóa xã	Xã Bến Quan	Thương mại tổng hợp, hàng tiêu dùng.
21	Xã Triệu Cơ	Bãi tắm Nhật Tân	Thôn Ba Tư, xã Triệu Cơ	Thương mại tổng hợp; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; hàng tiêu dùng...
22		Sân thể dục thể thao xã Triệu Cơ	Thôn Ba Tư, xã Triệu Cơ	
23	Phường Quảng Trị	Sân vận động phường Quảng Trị	Số 143 đường Trần Hưng Đạo, phường Quảng Trị	Các mặt hàng, sản phẩm đặc trưng của địa phương; sản phẩm OCOP, lương thực, thực phẩm chế biến; Thực phẩm công nghệ, ẩm thực, đồ trang sức, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống; trang trí nội thất, ngoại thất, đồ điện, đồ gia dụng, điện tử viễn thông.

---

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG TRỊ XUẤT BẢN

Địa chỉ: 06 Hùng Vương - Đồng Hới - Quảng Trị;

Điện thoại: 0233. 6296565;

Fax: 0232.3821729;

Email: [congbao@quangtri.gov.vn](mailto:congbao@quangtri.gov.vn);

Website: <https://congbao.quangtri.gov.vn>;